

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng kí thay đổi lần thứ 21 ngày 06/03/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Địa chỉ: Số 160, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: +84 (280) 385 4462

Fax: +84 (280) 3852060

Website: www.tng.vn

Email: info@tng.vn

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 3936 6321

Fax: +84 4 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Văn Đức

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Điện thoại: 0914 462 992

Thái Nguyên, tháng 9 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng kí thay đổi lần thứ 21 ngày 06/03/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Mã cổ phiếu:	TNG
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán và đăng ký phát hành:	Chào bán ra công chúng: 5.485.642 cổ phần Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 (10%/mệnh giá cổ phiếu): 2.194.256 cổ phiếu
Phương thức phát hành:	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán và đăng ký phát hành (theo mệnh giá):	76.798.980.000 đồng (<i>bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ bảy trăm chín mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng</i>)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)4 62 883 568

Website: www.deloitte.com Email: deloittevietnam@deloitte.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 3936 6321

Fax: +84 4 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế	4
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	7
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	8
5. Rủi ro pha loãng.....	8
6. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG	10
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội.....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
1.1. Thông tin chung.....	12
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty	16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	20
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	20
3.2. Cơ cấu cổ đông.....	20
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	21
4.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành	21
4.2. Công ty con của tổ chức phát hành	21
4.3. Công ty liên doanh, liên kết.....	21
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	21
6. Hoạt động kinh doanh	22
6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	22
6.2. Giá trị, sản lượng sản phẩm qua các năm.....	24
6.3. Nguyên vật liệu.....	25
6.4. Trình độ công nghệ, phát triển sản phẩm mới.....	26
6.5. Hoạt động Marketing	27
6.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	28
6.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	28
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 29	
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	29
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	30
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	30
8.1. Vị thế của công ty trong ngành	30
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	31
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	34
9. Chính sách đối với người lao động.....	34

9.1. Số lượng và cơ cấu.....	34
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	35
10. Chính sách cổ tức.....	35
11. Tình hình tài chính.....	35
11.1.Các chỉ tiêu cơ bản.....	35
11.2.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	39
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	40
12.1.Hội đồng quản trị.....	40
12.2.Ban Giám đốc.....	46
12.3.Ban Kiểm soát.....	47
13. Tài sản.....	49
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	50
14.1.Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	50
14.2.Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	50
14.3.Cơ sở của kế hoạch kinh doanh.....	51
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	51
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	52
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	52
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	53
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	54
1. Loại cổ phiếu.....	54
2. Mệnh giá.....	54
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	54
4. Giá chào bán dự kiến.....	54
5. Phương pháp tính giá.....	54
6. Phương thức phân phối.....	54
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	55
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	55
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	56
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	56
11. Các loại thuế có liên quan.....	57
12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	57
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	57
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	58
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	59
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	59
X. PHỤ LỤC.....	60

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG (gọi tắt là “TNG” hoặc “Công ty”) là một doanh nghiệp sản xuất mặt hàng may mặc. Công ty có trụ sở chính tại Thái Nguyên với 11 nhà máy. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Chính sách tiền tệ thắt chặt, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu, giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu khiến cho dự đoán tăng trưởng trong năm 2015 của hầu hết các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam đều được điều chỉnh giảm.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội cho toàn dân.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013¹. Tính chung 6 tháng đầu năm 2015, tổng mức tăng trưởng đạt 6,28%², cao hơn mức 6,2% mà Chính phủ đặt ra cho cả năm 2015.

Việc kinh tế thế giới tăng trưởng không đều trong thời gian qua gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất khẩu như Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư TNG. Hai thị trường lớn của Công ty là Mỹ và EU trải qua hai kịch bản kinh tế khác nhau. Trong khi Mỹ cho thấy dấu hiệu sự phục hồi kinh tế với tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, số lượng đơn đăng ký trợ cấp thất nghiệp thấp thì EU lại đang phải đối mặt với tình hình kinh tế cận kề suy thoái, với mức tăng trưởng âm 0,4% cho năm 2013 và 2014. Nguyên nhân chủ yếu là cuộc khủng hoảng nợ công đã kéo dài, các công cụ tài chính không phát huy tác dụng và cuộc khủng hoảng chính trị ở U-crai-na.

¹ Tổng cục thống kê <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=14188>

² Tổng cục thống kê <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=14371>

Tình hình lạm phát

Sự biến động của lạm phát gây ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả nguyên vật liệu, nhân công, các chi phí đầu vào, giá cả hàng hóa cũng như nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm của Công ty. Việc lạm phát biến động một cách khó lường sẽ gây ra khó khăn cho Công ty trong việc đặt ra các chiến lược kinh doanh cũng như hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

Trong giai đoạn 2010 – 2011, tỷ lệ lạm phát luôn ở mức cao (lần lượt là 11,75% và 18,13%). Điều này đã khiến tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều bất ổn, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp đình trệ và đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn khi giá cả tăng cao. Đến năm 2012, với những chính sách và biện pháp quyết liệt nhằm kiềm chế lạm phát của Chính phủ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 9,21%. Kết thúc năm 2014, CPI bình quân năm tăng 4,09%³ so với bình quân năm 2013, đây được xem là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Có thể thấy rằng việc lạm phát được kiềm chế ở mức hợp lý đang tạo ra nhiều thuận lợi cho hoạt động của khối doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG luôn chủ động trong kế hoạch mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp cho khách hàng.

Tỷ giá

Về yếu tố vĩ mô, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như để bình ổn thị trường tài chính – tiền tệ, những năm vừa qua Ngân hàng Nhà nước luôn có những biện pháp quyết liệt để ổn định tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, do những biến động mạnh mẽ diễn biến kinh tế thế giới đã xuất hiện nhiều yếu tố mang tính đột biến nằm ngoài dự đoán của các tổ chức quốc tế lớn như (i) việc giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây một phần do quan hệ cung cầu nhưng chủ yếu vẫn do các yếu tố chính trị tạo ra; (ii) sự cộng hưởng của việc Fed dự kiến tăng lãi suất, sự suy thoái của kinh tế Châu Âu và cuộc khủng hoảng kinh tế Hy Lạp đã làm cho đồng USD tăng giá cao hơn nhiều so với dự kiến của Fed. Cùng với việc đồng Nhân dân tệ (CNY) được điều chỉnh giảm 1,9% trong ngày 11/8/2015, là mức giảm giá mạnh nhất trong vòng 2 thập kỷ qua, kéo theo một loạt đồng tiền châu Á chủ chốt khác cũng như chỉ số giá trên thị trường hàng hóa quốc tế sụt giảm. Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, NHNN ban hành Quyết định số 1595/QĐ-NHNN ngày 11/8/2015 quy định về tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép. Theo đó, biên độ tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ được điều chỉnh tăng từ +/-1% lên +/-2%. Với tỷ giá bình quân liên ngân hàng ở mức 21.673 VND/USD, biên độ tỷ giá mới sẽ cho phép tỷ giá biến động trong phạm vi mức tỷ giá trần là 22.106 VND/USD và tỷ giá sàn là 21.240 VND/USD.⁴

Với đặc thù hoạt động sản xuất của Công ty là nhập khẩu hầu hết các nguyên vật liệu chính và xuất khẩu sản phẩm, TNG đã chủ động cân bằng nhu cầu sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu và nguồn thu ngoại tệ để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, Công ty chủ động vay các khoản tín dụng bằng ngoại tệ từ một số ngân hàng trong nước để được hưởng lãi

³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/91-2298-tang-truong-lam-phat-2014-va-mot-so-du-bao-nam-2015.html>

⁴ Theo Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam www.sbv.gov.vn/.../idcplg;...dDocName.../v%20NHNN%20điều%20chỉ...

suất thấp, giảm chi phí tài chính nhưng không làm tăng rủi ro về tỷ giá do Công ty đã tính toán nguồn thu từ xuất khẩu sản phẩm.

Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều cần huy động vốn vay từ ngân hàng. Do đó, biến động lãi suất cho vay cũng ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty.

Nếu như trong giai đoạn 2010 – 2011, lãi suất cho vay luôn ở mức cao 20 – 25%/năm, thì kể từ năm 2012 cho đến nay, mặt bằng lãi suất đã giảm mạnh trong bối cảnh thanh khoản của hệ thống ngân hàng dần được cải thiện, hoạt động huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giám sát một cách chặt chẽ. Thời điểm hiện tại, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 9-11%/năm, đối với lĩnh vực ưu tiên là 7-9%/năm, thậm chí có những doanh nghiệp tốt có thể vay với lãi suất 6-7%/năm.

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG cũng có những khoản tín dụng từ các ngân hàng với lãi suất thả nổi. Do đó, khi lãi suất tăng cao sẽ có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền cũng như lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Ví dụ như đối với thị trường Hoa Kỳ, thuế suất hiện nay đang áp dụng đối với sản phẩm dệt may đang là 17 – 18%, 12% là thuế suất áp dụng cho sản phẩm dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU. Tuy nhiên năm 2015 dự đoán kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2015 của Việt Nam sang các nước như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản sẽ tăng trưởng mạnh nhờ các hiệp định thương mại như: Hiệp định FTA Việt Nam - EU, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ kéo mức thuế suất xuống 0% khi các hiệp định này được ký kết. Song song với cơ hội cũng là thách thức đối với các công ty may của Việt Nam. Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Công ty, đặc biệt là sản phẩm cạnh tranh của Trung Quốc với nguyên liệu đầu vào phong phú, nhân công rẻ, giá mặt hàng dệt may Trung Quốc luôn rẻ hơn các nước khác.

Được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của doanh nghiệp còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a,... có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng,...

Với triển vọng khi các hiệp định thương mại như TPP hay FTA được kí kết trong thời gian tới, dệt may Việt Nam đang có nhiều cơ hội lớn để tăng trưởng, đặc biệt là khi Trung Quốc – nước có thị phần xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ - chưa tham gia đàm phán vào hiệp định TPP.

Rủi ro về thị trường

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... từ các thị trường này.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

Rủi ro về nguyên vật liệu

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của công ty thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may.

TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội. Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán và quyết định thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.

Rủi ro về việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Trong những năm vừa qua, với việc tập trung đẩy mạnh mở rộng hoạt động sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, TNG liên tục gặp phải tình trạng thiếu hụt vốn lưu động. Mặc dù Công ty hiện vẫn còn hạn mức tín dụng từ các ngân hàng lớn để tài trợ vốn lưu động, nhưng việc bổ sung vốn lưu động bằng nguồn vốn chủ sở hữu sẽ góp phần làm giảm đáng kể chi phí lãi vay, từ đó cải thiện biên lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông. Do đó, số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động đang ngày càng cao khi số lượng đơn đặt hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới. Tuy nhiên, rủi ro sử dụng hiệu quả vốn là vẫn có thể xảy ra. Với đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết và nhiều kinh nghiệm, cùng hoạt động ổn định của Công ty trong bối cảnh ngành dệt may đang có triển vọng tăng trưởng tốt, những rủi ro sẽ được hạn chế và phòng ngừa ở mức tối đa.

5. Rủi ro pha loãng

Giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu TNG sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

- PR(t-1) là giá giao dịch của TNG ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ:

- Giả sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách là 25.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ tăng vốn là 25%.

- Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ tương đương với 22.000 đồng/cổ phiếu.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Ông Nguyễn Văn Thời Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thời Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lương Thị Thúy Hà Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư – Khu vực phía Bắc

Giấy UQ: Số 03/2014/UQ-SSI ngày 17/10/2014 kí bởi ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành đã ký với Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- TNG : Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- CK : Chứng khoán
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- Giấy CN ĐKKD : Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh
- CBTT : Công bố thông tin
- TPP : Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
- FTA : Hiệp định thương mại tự do

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TNG
- Tên tiếng Anh: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: 160 Minh Cầu, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: +84 28 03854462
- Fax: +84 28 03852060
- Website: www.tng.vn
- Email: info@tng.com
- Giấy CNĐKKD: Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng kí thay đổi lần thứ 21 ngày 06/03/2015
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
- Số tài khoản: 3901 0000 698 958
- Vốn điều lệ: 219.425.690.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười chín tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2	Xây dựng công trình công ích	4220
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị)	4290
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa)	8299
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mua bán thiết bị máy vi tính, máy văn phòng, thiết bị viễn thông, mỹ phẩm, đồ lưu niệm)	4669
7	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
8	Bán buôn đồ uống (Rượu bia, nước giải khát)	4633
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (lương thực, hàng công nghệ phẩm, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình, hàng điện tử, điện lạnh, bánh kẹo, đường sữa, giày dép, hàng da, hàng giả da, hàng gốm sứ, thủy tinh, pha lê)	4649
10	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
12	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
13	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322

16	Giáo dục nghề nghiệp (Đào tạo nghề may công nghiệp)	8532
17	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
18	Sản xuất khăn giấy, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (sản xuất bao bì giấy)	1702
19	Sửa chữa thiết bị điện	3314
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; máy, thiết bị phụ tùng vật tư cơ khí, điện)	4659
21	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22	Sản xuất sản phẩm từ Plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc)	2220
23	Sửa chữa máy móc, thiết bị (Sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng)	3312
24	Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe taxi)	4932
25	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26	Cơ sở lưu trú khác	5590
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, cải tạo công trình cơ khí, điện, nước)	4329
29	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
31	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (dịch vụ cho thuê hosting, đăng kí tên miền, thiết kế website; lắp đặt sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng)	6329
32	Bán buôn gạo	4631
33	Bán buôn thực phẩm	4632
34	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
35	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
36	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
39	In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE)	1811
40	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

Chi tiết: In trên lụa (bao gồm in nhiệt) trên trang phục

- Sản phẩm chính: Sản phẩm may mặc

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/11/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.
- Ngày 07/5/1981 tại Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái sáp nhập Trạm May mặc Gia công thuộc Ty thương nghiệp vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên. Năm 1981 doanh thu của Công ty tăng gấp đôi năm 1980.
- Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước. Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.
- Năm 1992 Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
- Năm 1997 Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.
- Năm 2000, Công ty là thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).
- Ngày 02/01/2003 Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.
- Năm 2006 Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.
- Ngày 18/03/2007 Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.
- Ngày 28/08/2007 Đại hội đồng Cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Ngày 14/11/2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu.

- Năm 2008 được Tập đoàn dệt may Việt nam tặng cờ thi đua
- Năm 2009 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II
- Tháng 04 năm 210 Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyền may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.
- Ngày 10/12/2010 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.
- 13/06/2011 Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
- 31/12/2012 Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
- Ngày 28/1/2014 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu(Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.
- 2/2015 Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.
- 7/2015 Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.

❖ **Tình hình hoạt động sản xuất**

Đến nay TNG có 11 nhà máy may với 181 chuyền may, 2 nhà máy phụ trợ nhà máy thêu, giặt công nghiệp, sản xuất thùng túi, bao bì carton và nhà máy sản xuất bông, chần bông. Tổng số lao động là 10.600 người. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản gần 1.000 tỉ đồng, mỗi năm doanh thu trên 1200 tỉ đồng, được xếp hạng “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “TOP 10 doanh

Các danh hiệu và giải thưởng đạt được



2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty đang đăng ký 1 trụ sở chính và 17 chi nhánh như sau:

❖ Trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Số 160, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

– Điện thoại: 0280 3854 462 - 855617

– Website: www.tng.vn

– Email: info@tng.vn

❖ Chi nhánh may Việt Đức:

Địa chỉ : 160 Đường Minh Cầu, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh may Việt Thái:

Địa chỉ : 221, Đường Thống Nhất, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh may Sông Công 1,2,3,4

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp B, Thị Xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh thù

Địa chỉ : Khu Công nghiệp B, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh giặt

Địa chỉ : Khu Công nghiệp B, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh sản xuất bao bì

Địa chỉ : Khu Công nghiệp B, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh sản xuất bông

Địa chỉ : Khu Công nghiệp B, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh may Phú Bình 1,2,3,4

Địa chỉ : Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh Trung tâm đào tạo

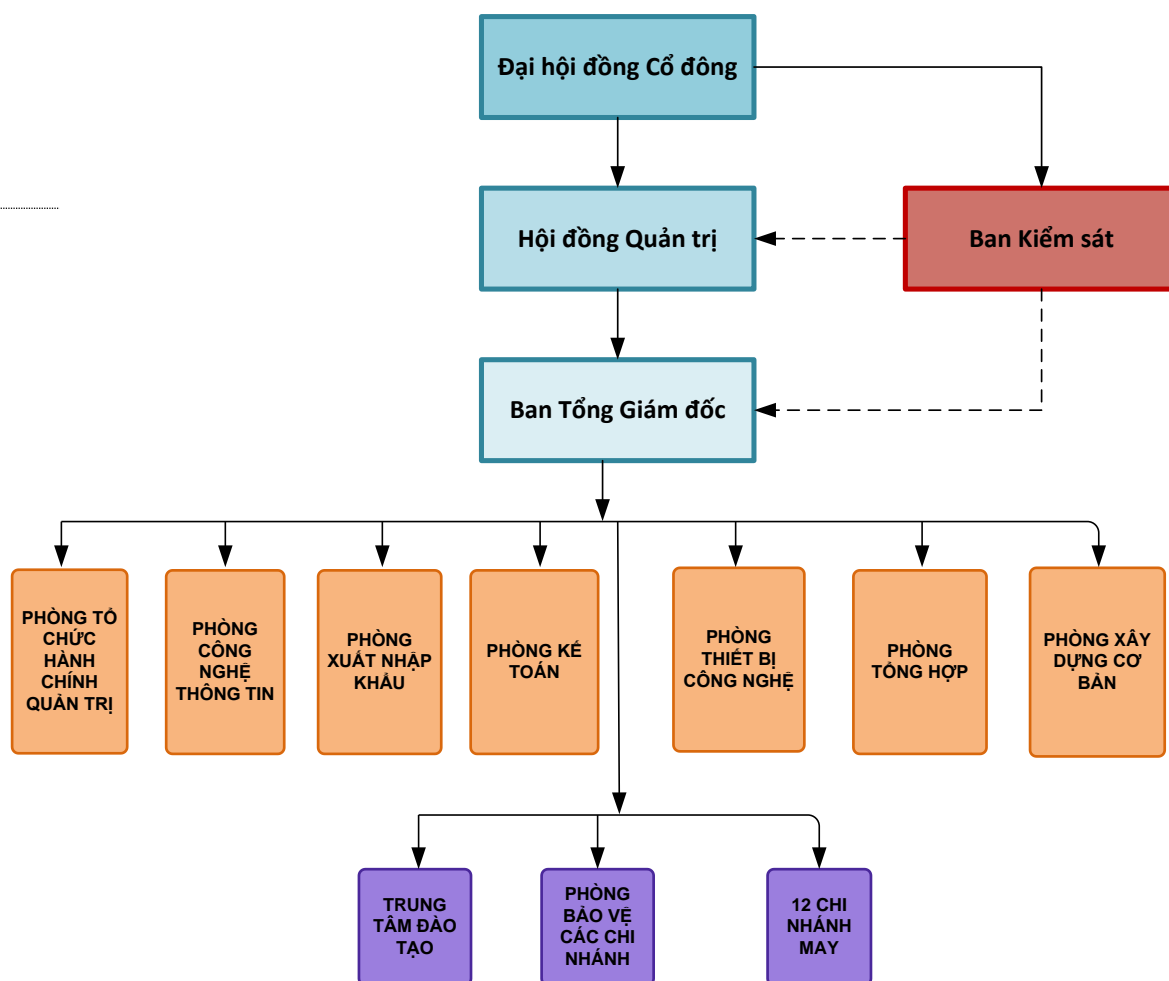
Địa chỉ : Số 160, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

❖ Chi nhánh may Đại Từ

Địa chỉ : Xã Tiên Hội, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Bộ máy quản lý của Công ty được chia thành các Phòng, Ban nhằm quản lý tốt nhất mọi hoạt động trong Công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty



Ghi chú: Quan hệ điều hành —————>
Quan hệ giám sát - - - - ->

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các BCTC các năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với các loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Quyết định loại và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chủ trương đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, BCTC của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc. BKS có quyền và trách nhiệm như sau:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc, do HĐQT Công ty bổ nhiệm. Trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về các quyết định của mình.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty;
- Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước HĐQT;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty trong mảng công việc được giao.

❖ **Các phòng ban**

Phòng Xuất nhập khẩu: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác xuất, nhập khẩu, Phòng Xuất nhập khẩu có nhiệm vụ:

- Thực hiện nghiệp vụ xuất, nhập khẩu hàng hoá.
- Lập hồ sơ đòi tiền khách hàng chuyển kế toán

Phòng Nhân sự: Quản lý công tác tổ chức nhân sự và công tác quản trị hành chính của Công ty.

Phòng nhân sự có nhiệm vụ:

- Sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty;
- Tổng hợp báo cáo, phân tích chất lượng nguồn nhân lực toàn Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát công tác quản trị nhân sự và hành chính quản trị của toàn Công ty;
- Thực hiện công tác bảo vệ tài sản của CBCNV và của toàn Công ty;
- Quản lý hồ sơ của người lao động toàn Công ty;

Phòng Kế toán: Quản lý công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Phòng Kế toán có nhiệm vụ:

- Thực hiện công tác kế toán của Công ty;
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời tiền vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Theo dõi và đơn đốc phối hợp với phòng kinh doanh thu hồi công nợ của Công ty;
- Kiểm tra thanh, quyết toán và quản lý giá thành xây dựng cơ bản;
- Quản lý giá thành sản xuất của toàn Công ty;
- Quản lý quỹ tiền mặt của Công ty;
- Kiểm tra, tổng hợp báo cáo thống kê tháng, quý, năm toàn Công ty;
- Kiểm tra, tổng hợp và phân tích báo cáo quyết toán tài chính tháng, quý, năm toàn Công ty;
- Tổng hợp, phân tích tỷ lệ các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm;
- Phối hợp với các đơn vị xây dựng và giao kế hoạch SXKD hàng năm;
- Xây dựng qui chế quản lý tài chính của Công ty.

Phòng Công nghệ Thông tin: Quản lý hệ thống mạng nội bộ, quản lý thiết bị văn phòng và quản lý Website của Công ty. Phòng Công nghệ Thông tin có nhiệm vụ:

- Tổng hợp kế hoạch đầu tư thiết bị văn phòng của Công ty
- Quản lý trang thiết bị văn phòng của toàn Công ty
- Quản trị hệ thống mạng nội bộ trong toàn Công ty
- Tiếp nhận thông tin để cập nhật lên Website của Công ty
- Thiết kế, đổi mới giao diện Website và quản trị Website của Công ty
- Quản lý hòm thư điện tử
- Nghiên cứu, ứng dụng phần mềm quản lý vào công tác quản lý của Công ty

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Cổ đông	Số CMND/ĐK KD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị sở hữu (VND)	Tỷ lệ %
Nguyễn Văn Thời	090117808	Tổ 18, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	4.435.020	44.350.200.000	20,21%
Nguyễn Xuân Thụy	151300346	Tổ 18, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	1.160.060	11.600.600.000	5,04%
Asean Small Cap Fund	CA5503	89 Nexus Way Camana Bay, Grand Cayman, KY1-9007, Cayman Islands	1.553.662	15.536.620.000	7,08%

*Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
Danh sách cổ đông chốt ngày 24/02/2015 cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015*

3.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 24/02/2015

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Trong nước	1,530	18,300,103	183,001,025,460	83.40%
	Tổ chức	10	1,535,980	15,359,798,300	7%
	Cá nhân	1,520	16,764,123	167,641,227,160	76.40%
2	Nước ngoài	120	3,642,466	36,424,664,540	16.60%
	Tổ chức	7	2,676,993	26,769,934,180	12.20%
	Cá nhân	113	965,473	9,654,730,360	4.40%
	TỔNG CỘNG	1,650	21,942,569	219,425,690,000	100.00%

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty tại ngày chốt danh sách 24/02/2015 cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

4.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

4.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Không có

4.3. Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp của TNG	
	Vốn đăng ký (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 30/06/2015 (triệu đồng)		Mức đăng ký vốn góp (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 30/06/2015 (triệu đồng)
Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái	1.573,7	1.573,7	49%	771.15	771.15
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	10.000	10.000	35%	3.500	3.500

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

❖ Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ: 1.573.775.000 đồng
- Số cổ phần nắm giữ: 77.115 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

❖ Công ty Cổ phần Thời trang TNG

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các sản phẩm hàng may mặc
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
- Số cổ phần nắm giữ: 350.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 35%

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 04 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

Lần 1: Năm 2006, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

Lần 2: Ngày 18/03/2007, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng phát hành ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.

Lần 3: Ngày 15/10/2009, Công ty thực hiện tăng vốn từ 54,3 tỷ đồng lên 87,2 tỷ đồng theo hình thức phát hành ra công chúng.

Lần 4: Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phần ra công chúng nâng vốn điều lệ từ 87,2 tỷ đồng lên 134,6 tỷ đồng.

Lần 5: Ngày 20/05/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 148,074 tỷ đồng.

Lần 6: ngày 18/12/2014 Công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như: bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Đồng thời, Công ty cũng đào tạo nghề may công nghiệp, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy và vận tải hàng hóa nội địa.

Ngoài ra Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của Công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts.

Hình ảnh sản phẩm chính



Hình ảnh chuỗi cửa hàng phân phối TNG



6.2. Giá trị, sản lượng sản phẩm qua các năm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 2: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm giai đoạn 2013 – 9 tháng 2015

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng 2015
1	Áo jacket	Chiếc	7.400.000	8.350.000	7.038.000
2	Quần Cargo short	Chiếc	9.800.000	11.000.000	9.450.000
3	Bông tấm	Triệu yads	2.000.000	2.800.000	3.045.000
4	Thùng carton	m ²	2.500.000	2.700.000	2.340.000
5	Túi PE, PP	Tấn	150.000	210.000	211.200
6	Giặt công nghiệp	Chiếc	6.000.000	7.150.000	4.500.000
7	In công nghiệp		550.000	650.000	982.800
8	Thêu công nghiệp		2.700.000	2.800.000	2.880.000

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của Công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ Doanh thu, lợi nhuận

Bảng 3: Doanh thu và giá vốn theo sản phẩm giai đoạn 2013 – 9 tháng 2015

Đơn vị: Triệu đồng

		Năm 2013		Năm 2014		9 tháng 2015	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	1.012.043	85,3%	911.691	66,2%	1.125.131	79,0%
2	Doanh thu gia công	174.641	14,7%	465.543	33,8%	299.085	21,0%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.684	100,0%	1.377.234	100,0%	1.424.216	100%
3	Giảm trừ doanh thu	6.390		128		0	
	Doanh thu thuần	1.180.294		1.377.106		1.424.216	

Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất.

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ thể, năm 2014, doanh thu thuần đạt 1.377 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2013; và trong giai đoạn

2009 – 2014, TNG đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân CAGR là xấp xỉ 24%/năm. Đây được xem là mức tăng trưởng ấn tượng so với trung bình ngành dệt may.

Về cơ cấu, doanh thu bán hàng (FOB) luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu của TNG. Tuy nhiên, năm 2014 vừa qua, doanh thu bán hàng (FOB) chỉ chiếm 66,2% (giảm từ mức 85,3% của năm 2013), và doanh thu gia công (CMT) chiếm 33,8% (tăng từ mức 14,7% của năm 2013). Nguyên nhân là do Công ty chú trọng đàm phán và thực hiện các hợp đồng có lợi nhuận cao. Mặc dù xác định xu hướng dài hạn là tăng cường hình thức sản xuất FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

6.3. Nguyên vật liệu

❖ Các nguyên vật liệu đầu vào chính

Công ty thường mua nguyên vật liệu từ nhiều nguồn khác nhau, cả trong nước và nước ngoài (hơn 90%). Trong những năm gần đây, tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ những nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,..

Bảng 4: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty

STT	Đối tác	Hàng hóa
1	LIBERTY MILLS LTD	Vải chính, vải lót các loại
2	KAI CHERNG ENTER PRICE	Vải chính, phụ liệu các loại
3	REALTY TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
4	JANGKI TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
5	OS – SONG	Vải chính, vải lót các loại
6	FULTIDE ENTERPRISE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Trong suốt những năm qua, TNG đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... Đồng thời để tiếp cận các thị trường này, Công ty có người đại diện tại thành phố Thượng Hải, Trung Quốc để tìm nguồn, kiểm tra chất lượng, tiến độ và giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên, phụ liệu kịp thời cho sản xuất.

Mặc dù nguồn cung nguyên liệu trong nước không sẵn (phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu) song nguồn cung từ các nước như Trung Quốc, Đài Loan... lại khá dồi dào, phong phú và giá cả hợp lý và rất cạnh tranh. Ngoài ra đây đều là những thị trường có ngành may mặc khá phát triển, vị trí địa lý lại khá thuận lợi nên việc tiếp cận các nguồn cung này khá dễ dàng. Nhờ xây dựng được quan hệ tốt với các nhà cung cấp, TNG đã tìm kiếm được nguồn nguyên vật liệu đáp ứng nguyên phụ liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất.

❖ Ảnh hưởng của nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của TNG, nguyên vật liệu chiếm tới 65%-70% giá vốn hàng bán, do đó biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận Công ty. Nhưng hầu hết các đối tác của Công ty đều do phía công ty chỉ định và hợp đồng đã

được kí trước nên giá nguyên liệu tăng hay giảm không ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của công ty.

6.4. Trình độ công nghệ, phát triển sản phẩm mới

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các Xí nghiệp may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các may chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhẩy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/ Iextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần/năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2,5 triệu mũi/năm.

Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của Công ty



Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Hệ thống máy giặt công nghiệp

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, Công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, Công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 5: Một số phần mềm ứng dụng tại Công ty TNG

Stt	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Standard	Quản lý công tác hành chính kế toán
2	Quanlykho	Quản lý vật tư
3	Quản lý bán hàng	Quản lý bán hàng
4	Atteldane System	Quản lý chấm công
5	GSHRM	Quản lý nhân sự tiền lương
6	Dự toán	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
7	Điều hành sản xuất	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
8	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhày cỡ
9	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
10	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ

6.5. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Mê-xi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thống để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang

Nga...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành. Đối với các nhà cung cấp, hàng năm Công ty đều đánh giá, tôn vinh các nhà cung cấp đã có nhiều đóng góp cho kết quả của Công ty.

6.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là LIMA và TNG đã được đăng kí với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tin nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.



6.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6: Một số hợp đồng đã được ký kết

ST T	Tên HĐ / Tên đối tác trong HĐ		Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Trị giá (Nghìn USD)	Sản phẩm (chiếc)
1	THE CHILDREN'S PLACE	01 - TNG/TCP15 (03/01/2014)	02 năm	2014- 2015	13,000	3,000,000
2	COLUMBIA SPORT WEAR	01TNG - CL (03/01/2015)	01 năm	2015	15,000	2,000,000
3	CAPITAL GARMENT	01 TNG/ CAP15 (07/12/2014)	01 năm	2015	3,500	800,000
4	OXYLANE (DECATHLON)	01 TNG - PRO/15	01 năm	2015	17,000	5,000,000
5	COMTEXTILE	01/TNG – COM (02/01/2015)	01 năm	2015	4,000	1,000,000
6	ASH CITY	01 TNG - ASH (2015)	01 năm	2015	4,000	1,000,000
7	C&A	01TNG – C&A(2015)	01 năm	2015	8,000	1,000,000
8	ASMARA	01TNG - ASM(2015)	01 năm	2015	4,000	1,000,000
9	MANGO	01TNG - MG (2015)	01 năm	2015	5,000	2,000,000
10	NORTH FACE	01TNG -NF (2015)	01 năm	2015	4,000	900,000

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	9 tháng 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	961.199	1.197.909	24,6%	1.543.254	28,8%
Vốn chủ sở hữu	211.551	262.121	23,9%	363.675	38,7%
Doanh thu thuần	1.180.295	1.377.106	16,7%	626.730	24,14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.390	62.856	308,4%	32.151	32,34%
Lợi nhuận khác	1.801	1.473	-18,2%	1.039	
Lợi nhuận trước thuế	17.191	64.329	274,2%	33.190	37,06%
Lợi nhuận sau thuế	14.057	53.158	278,2%	24.941	24,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	16%			

Năm 2014, tổng giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng trưởng tốt, lần lượt tăng 24,6% và 23,9% so với năm 2013. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 31%, đạt 537,500 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng 20%, đạt 660,4 tỷ đồng. Về kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần năm 2014 tăng từ 1.180 tỷ đồng lên 1.377 tỷ đồng, tương đương mức tăng 16,7%. Với các nỗ lực cải tổ bộ máy quản trị, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, biên lợi nhuận của Công ty được cải thiện đáng kể. Theo đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 62.856 triệu đồng, tăng mạnh 308,4% so với năm 2013. Nhờ vậy, các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều có mức tăng ấn tượng. Năm 2014, lợi nhuận trước thuế của TNG đạt 64.329 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 53.158 triệu đồng, tăng lần lượt 274,2% và 278,2% so với kết quả thực hiện năm 2013.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2015, Công ty đã đầu tư Chi nhánh May TNG Đại Từ với 34 chuyền may hiện đại và công nghệ quản lý tiên tiến, công suất 3.000.000 sản phẩm/năm, tổng vốn đầu tư lên tới 175-180 tỷ đồng. Mở rộng sản xuất bằng việc đầu tư mới với dây chuyền hiện đại đã giúp Công ty nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng mới;
- Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương TPP sắp có hiệu lực, tạo điều kiện cho Công ty phát triển mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường khiến kim ngạch xuất sang các nước thành viên, đặc biệt là thị trường Mỹ;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 8000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên Công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;
- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, các ngân hàng đã tài trợ rất tốt cho Công ty khi vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Khó khăn

- Thương hiệu “TNG Fashion” tuy được các nhà nhập khẩu nước ngoài đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước, điều này chứng tỏ công tác quảng bá và phát triển thương hiệu chưa thực sự tốt;
- Cũng như đặc điểm chung của ngành dệt may Việt Nam, khâu thiết kế sản phẩm của Công ty chưa mạnh, chưa đóng góp nhiều giá trị gia tăng vào sản phẩm;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với Công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, Công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho quá trình xuất khẩu của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương

mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành May Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công Thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Với vị trí nằm trong top 10 doanh nghiệp trong vô số những công ty may mặc có mặt tại Việt Nam, TNG đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; trong các thế mạnh đó phải kể đến các hợp đồng gia công Quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 12 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng kênh TNG Fashion Store hứa hẹn TNG tăng trưởng đột phá trong thời gian tới..

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Giai đoạn sắp tới, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa khi Việt Nam thuận lợi ký kết thành công các Hiệp định Quốc tế song phương và đa phương

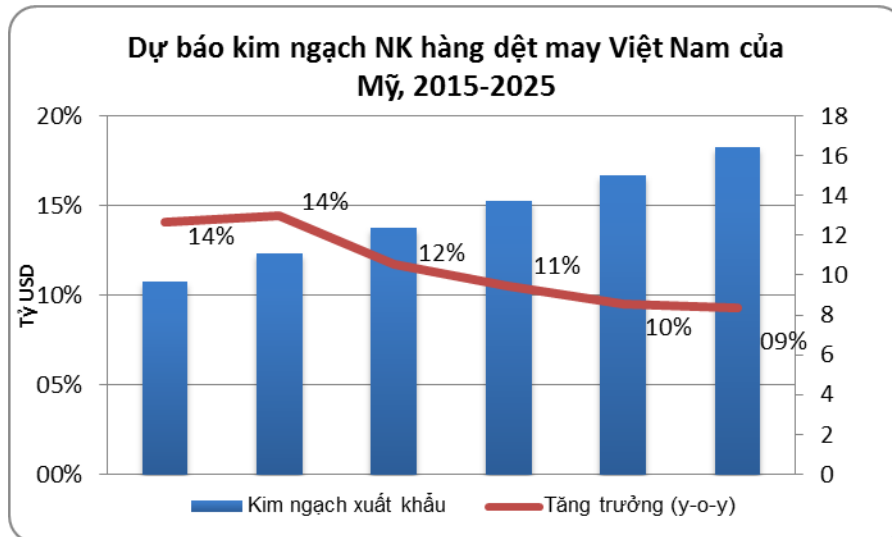
Hiệp định TPP- Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương

Khu vực TPP là khu vực tiêu thụ đến 60% hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là Mỹ. Thị trường Mỹ rất hấp dẫn và là thị trường lý tưởng cho ngành dệt may của bất kỳ nước nào. Với tổng số dân lên đến 317 triệu người, đa số sống ở thành thị, thu nhập cao chính vì thế nhu cầu nhập khẩu của Mỹ hơn 100 tỷ USD mỗi năm. Hiện nay, Trung Quốc đang là nước chiếm thị phần cao nhất với hơn 37% (dù đã giảm mạnh từ 50% trước đây), Việt Nam đứng thứ hai với 9%/năm và thị phần mỗi năm đang có xu hướng tăng đều.

Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) đang ở giai đoạn đàm phán then chốt; đàm phán về 20 lĩnh vực xếp vào loại phức tạp về mặt kỹ thuật và nhạy cảm trong việc mở cửa thị trường. Mặc dù cuộc đàm phán giữa các nước vẫn chưa đạt được sự đồng thuận từ các nước thành viên nhưng cũng đã đạt được những tiến bộ nhất định. Một điểm đáng mừng cho Dệt may Việt Nam là Trung Quốc - nước đang chiếm thị phần lớn nhất vào Hoa Kỳ hiện vẫn chưa tham gia đàm phán vào Hiệp định TPP này. Đây là cơ hội để Việt Nam và các quốc gia khác có cơ hội gia tăng xuất khẩu hàng hóa vào Mỹ.

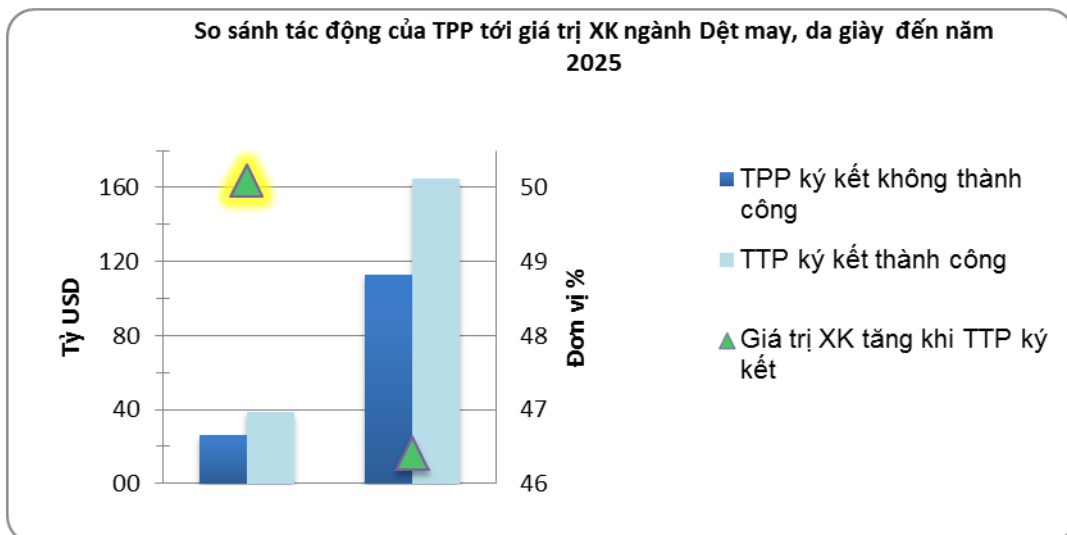
Dự báo kim ngạch nhập khẩu hàng Dệt may Việt Nam của Mỹ

Theo các chuyên đề nghiên cứu Bộ Thương mại Mỹ, hàng Dệt may của Việt Nam sẽ tiếp tục được Mỹ nhập khẩu với kim ngạch ngày càng tăng. Dự kiến đến năm 2019, tỷ lệ kim ngạch nhập khẩu gia tăng sẽ ở quanh vùng 14%, và trong giai đoạn tiếp sau đó đến năm 2020, tỷ lệ này giảm dần và xuống 9,5% vào năm 2025.



Dự báo so sánh tác động của TPP:

Theo dự đoán của các chuyên gia, giá trị XK ngành dệt may của Việt Nam vào thị trường Mỹ và các nước thuộc khối nước TPP sẽ gia tăng đáng kể khi TPP được ký kết. Cụ thể là giá trị Xuất khẩu ngành dệt, may mặc và da giày sẽ tăng gấp rưỡi tính đến năm 2025. Hiệp định TPP kỳ vọng sẽ tạo nhiều tác động tích cực đến ngành hàng Dệt may Việt Nam. Đến tháng 10 năm 2015, hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương TPP đã hoàn tất quá trình đàm phán, đánh dấu mốc quan trọng đưa những ưu đãi thuế suất vào thực tế.



Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu

Phiên đàm phán lần thứ tám hiệp định này diễn ra ngày 27/06/2014 với nhiều kết quả khả quan cho các bên. Hai bên đều khẳng định quyết tâm sớm đạt được thỏa thuận về một EVFTA toàn diện. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang tham gia đàm phán FTA với các khối nước EFTA (Thụy Sĩ,

Na Uy, Iceland, Liechtenstein) và Liên minh Hải quan Nga – Belarus – Kazakhstan. Sự tiến triển trong các hiệp định này sẽ giúp cho tình hình Xuất Nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được tăng trưởng nhanh chóng.

Từ những thuận lợi nêu trên, Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) kỳ vọng năm 2015 giá trị xuất khẩu ngành dệt may có thể cán đích 25 tỷ đến 27 tỷ USD đồng thời nâng tỷ lệ nội địa hóa lên mức 70-75% vào năm 2020 thay vì hơn 48% như hiện nay.

Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may

Mục tiêu cho ngành Dệt may từ năm 2017-2020, Dệt may Việt Nam sẽ phấn đấu đứng trong top hai, hoặc top ba các nước xuất khẩu dệt may lớn nhất trên toàn thế giới. Đồng thời, Việt Nam sẽ phấn đấu để 5-7% thương hiệu Việt hội nhập và có chỗ đứng trong ngành thời trang, dệt may của thế giới.

Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ vào tình hình nội tại của doanh nghiệp và định hướng của ngành cùng chính sách của Nhà nước, Công ty cũng đã bàn luận trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và đưa ra những hướng triển khai phù hợp, đồng thời nâng cao vị thế đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc trong nước. Cụ thể như sau:

May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu,...

Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa trên 10 – 15% từ nay đến năm 2015, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ, tiếp cận khai thác thị trường Nhật Bản.

Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị theo công nghệ mới.

Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.

Định hướng phát triển ngành may mặc là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phụ trợ đồng thời chú trọng phát triển thị trường nội địa là rất phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt Nam trong thời gian tới...

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu

Tổng số lao động tính đến ngày 31/08/2015 là 10.600 người, trong đó

Hợp đồng dài hạn : 9.600 người

Hợp đồng ngắn hạn và thời vụ : 1.000 người

Bảng 8: Cơ cấu lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trên đại học	5
2. Trình độ đại học	280
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	1.200
4. Khác	9.115
II. Phân theo phân công lao động	
1. Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc	9
2. Lao động quản lý	790
3. Lao động trực tiếp	9.801

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

9.2. Chính sách đối với người lao động

Là một doanh nghiệp đông lao động, Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.

Chính sách đào tạo: Đối với người lao động mới và chưa biết nghề may công nghiệp sẽ được Công ty ký hợp đồng đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, Công ty còn hỗ trợ tiền học phí với con của CBCNV đang học tại các trường đại học có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty.

Chính sách lương thưởng: Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên 03 thành tố: Know, how, Giải quyết vấn đề và trách nhiệm. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Công ty cũng thực hiện chính sách công khai mức lương, theo đó lao động của công ty được xếp thành 7 cấp khác nhau, tiêu chí xếp hạng và mức lương của từng hạng được công khai để người lao động cùng theo dõi và phấn đấu.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan dã ngoại nước ngoài, bằng cổ phiếu để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của TNG và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông trên vốn điều lệ sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Tỷ lệ cổ tức chi trả hàng năm được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên như sau:

Bảng 9: Chính sách cổ tức giai đoạn 2013 - 2015

Năm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (Dự kiến)
Tiền mặt	-	6%	
Cổ phiếu	10%	10%	
Tổng	10%	16%	16 -20%

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 10: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu giai đoạn 2013 – 9 tháng 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	Vốn điều lệ	134.613	162.879	219.426
2	Thặng dư vốn cổ phần	29.909	29.861	29.692
3	Các quỹ	29.976	33.530	55.597
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.998	35.851	58.960
	Tổng cộng	211.551	262.121	363.675

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2013, 2014, BCTC soát xét 9 tháng 2015

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 11: Chính sách khấu hao tài sản cố định

STT	Các loại tài sản	Số năm
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 40
2	Máy móc và thiết bị	3 -10
3	Phương tiện vận tải	6 - 8
4	Thiết bị văn phòng	3 – 5
5	Tài sản khác	6

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân tính trên toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty năm 2014 là 4,1 triệu đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

Các khoản phải nộp theo luật định

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại của Công ty là 22% và thuế giá trị gia tăng áp dụng là 10%. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau

. Bảng 12: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Quỹ đầu tư phát triển	18.156	19.249	44.928
Quỹ dự phòng tài chính	6.390	8.793	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	53	97	5

Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.430	5.430	10.613
Tổng	30,029	33,569	55.546

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 9 tháng 2015

Tổng dư nợ vay

Vay và nợ ngắn hạn

Bảng 13: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Vay ngắn hạn				
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	277.936	282.956	267.201
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Thái Nguyên	130.793	254.252	394.283
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	8.163	-
3	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	-	-	-
4	Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	-	-	-
5	Các khoản vay ngắn hạn khác	2.170	829.050	649
Nợ dài hạn đến hạn trả				
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	38.532	38.538	39.405
	Thuê tài chính đến hạn trả	10.171	4.037	2.387
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	8.000	12.000	18.020
	Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	2.325	1.860	1.395
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	700	12.945	9.950
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	2.619	3.298
	Tổng cộng	470.627	618.199	736.951

Vay và nợ dài hạn

Bảng 14: Chi tiết các khoản vay dài hạn

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Thái Nguyên	134.554	90.106	178.896
2	Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	8.350	96.953	69.166
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	72.000	44.786	35.512
4	Vay dài hạn khác	3.283	2.113	932
5	Nợ thuê tài chính dài hạn	19.384	9.212	5.972
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	6.700	10.475	21.870
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên	-	6.025	4.630
	Tổng cộng	244.271	259.671	316.978

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Phải thu khách hàng	111.034	164.642	302.168
Trả trước người bán	9.846	4.115	6.547
Các khoản phải thu khác	10.526	11.711	34.212
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-6.224	-5.535	-5.530
Tổng cộng	125.183	174.932	337.597

Các khoản phải trả

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Phải trả cho người bán	65.124	76.375	147.509
Người mua trả tiền trước	303	9.983	3.802
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.334	3.149	10.561
Phải trả người lao động	23.251	30.072	27.442
Chi phí phải trả	4.170	9.262	10.368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243	979	781
Tổng cộng	94.425	129.820	200.463

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,73	0,72	0,77
Hệ số thanh toán nhanh	0,26	0,28	0,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,78	0,78	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,54	3,57	3,24
Hệ số đòn bẩy tài chính	4,54	4,57	4,24
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	3,71	3,74	1,86
Vòng quay tài sản	1,23	1,28	0,45
Vòng quay khoản phải thu	7,97	9,17	2,44

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Biên lợi nhuận gộp	18,48%	19,14%	15,60%
Biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,30%	4,65%	5,13%
Biên lợi nhuận ròng	1,19%	3,87%	3,98%
ROE	6,62%	22,48%	6,86%
ROA	1,47%	4,93%	2,4%
Thu nhập trên cổ phần EPS	1.044	3.705	1.232

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
4	Nguyễn Việt Thành	Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
5	Rusdy Pranata	Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)

❖ Ông Nguyễn Văn Thời

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CMND: 090117808 Nơi cấp: CA Thái Nguyên Ngày cấp: 11/08/2014
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện tử, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

– Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
6/1982 - 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 – 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 – 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 – 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 – 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 – 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2013 - nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 4.435.020 cổ phần (tương ứng 20,21% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại thời điểm 01/09/2015:

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
1.	Đỗ Thị Hà	090513872	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Vợ	580.800	2,65%
2.	Nguyễn Đức Mạnh	090882528	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Con trai	845.712	3,85%
3.	Nguyễn Mạnh Linh	090972003	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Con trai	496.100	2,26%
4.	Nguyễn Văn Thới	090784558	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên	Em trai	222.793	1,02%
5.	Nguyễn Thị Nhuận	091928825	Phường Bách Quang, TP Sông Công	Em gái	5.600	0,03%

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
6.	Nguyễn Thị Miện	150752752	Phường Bách Quang, TP Sông Công	Em gái	25.633	0,12%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Nguyễn Văn Thới**

- Họ và Tên: **Nguyễn Văn Thới**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/07/1971
- Số CMTND: 090784558 Nơi cấp: Thái Nguyên Ngày cấp: 20/11/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1995 - 2013	Nhân viên – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
2013 - 8/2014	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
9/2014- Nay	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 222.793 cổ phiếu tương đương 1,02% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
1.	Nguyễn Văn Thới	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP	Anh trai	4.435.020	20,21%

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
			Thái Nguyên			
2.	Nguyễn Thị Nhuận	091928825	Phường Bách Quang, TP Sông Công	Chị gái	5.600	0,03%
3.	Nguyễn Thị Miện	150752752	Phường Bách Quang, TP Sông Công	Chị gái	25.633	0,12%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Họ và Tên: **Nguyễn Đức Mạnh**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CMTND: 090882528 Nơi cấp: Thái Nguyên Ngày cấp: 20/05/2013
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 8/2014	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 – nay	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 845.712 cổ phần chiếm 3,85% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
1.	Nguyễn Văn Thời	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Bố	4.435.020	20,21%
2.	Đỗ Thị Hà	090513872	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Mẹ	580.800	2,65%
3.	Nguyễn Mạnh Linh	090972003	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Em trai	496.100	22,61%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Nguyễn Việt Thành**

- Họ và Tên: **Nguyễn Việt Thành**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/09/1956
- Số CMTND: 001056000982 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 05/08/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 54 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1985 – 1993	Chuyên viên – Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1993 – 2004	Kế toán trưởng – Công ty Liên doanh Nga Việt Chaika
2004 – 2006	Chuyên viên – Công ty Tài chính Bưu điện
2006 – 2007	Giám đốc kinh doanh – Công ty CP quản lý vốn đầu tư TM CAPITAL
2007 – nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Quản lý vốn Việt Nhân
20013 - nay	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Quản lý vốn Việt Nhân
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 350.245 cổ phiếu chiếm 1,60% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ **Ông Rusdy Pranata**

- Họ và Tên: Rusdy Pranata
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1975
- Số Hộ chiếu: U676569 Nơi cấp: Indonesia Ngày cấp: 24/2/2014
- Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Địa chỉ thường trú: Jl. karang anyar raya 53-54, Jakarta, Indonesia
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
11/2001 – 2/2005	Cán bộ kiểm soát tài chính - Công ty Toys'R'Us - In-đô-nê-xi-a
	Giám đốc tài chính doanh nghiệp, Phó Tổng giám đốc – PT Great
2/2005 – 12/2014	River International Tbk Garment Manufacturing and Retailers/ PT Samudra Biru/ Garment Manufacturing for Export and Local Market
	Giám đốc - PT Surya Berkas Indonesia Klaten, Central Java/ PT
12/2014 - nay	Aseli Garmen Indonesia
	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty PT Surya Berkas Indonesia Klaten, Central Java/ PT Aseli Garmen Indonesia
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 1.553.662 cổ phiếu chiếm 7,08% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - ✓ Số cổ phần thuộc sở hữu của cá nhân : 0 cổ phần
 - ✓ Số cổ phần sở hữu đại diện vốn tổ chức : 1.553.662 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	% vốn điều lệ
1.	ASEAN SMALL CAP FUND	89 Nexus Way Camana Bay, Grand Cayman, KY1-9007, Cayman Islands	Công ty có vốn góp tại TNG	1.553.662	7,08%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

12.2. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thới	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc

❖ Ông Nguyễn Văn Thới

(Xem phần trên)

❖ Ông Nguyễn Đức Mạnh

(Xem phần trên)

❖ Bà Lý Thị Liên

- Họ và Tên: **Lý Thị Liên**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **14/07/1962**
- Số CMTND: **090888102** Nơi cấp: **CA Thái Nguyên** .Ngày cấp: **14/09/2010**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ: **02803 856425**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái nguyên**
- Trình độ chuyên môn: **Cao đẳng Ngân hàng**
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1989 – 1995	Nhân viên – Ngân hàng công thương Yên Bái
1996 – 1998	Nhân viên - Công ty may Thái Nguyên
1998 – 2008	Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG
2009 – 2014	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc - Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG
2015 – nay	Ủy viên BKS, Phó tổng giám đốc - Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên BKS, Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG**
- Chức vụ tại các tổ chức khác: **Không**

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 183.285 cổ phần chiếm 0,84% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

12.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Đức	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bùi Thị Thắm	Ủy viên Ban Kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Văn Đức

- Họ và Tên: **Nguyễn Văn Đức**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1977
- Số CMTND: 090709267 Nơi cấp: CA Thái Nguyên .Ngày cấp: 01/11/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1997 – 2007	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2008 – 2011	Thành viên BKS – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – Nay	Trưởng BKS – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng BKS - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 33.804 cổ phiếu chiếm 0,15% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

❖ Bà Bùi Thị Thắm

- Họ và Tên: **Bùi Thị Thắm**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1959
- Số CMTND: 091592450 Nơi cấp: CA Thái Nguyên .Ngày cấp: 23/11/2006
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1980 – 2007	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2008 – Nay	Ủy viên BKS – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên BKS - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 168.473 cổ phần chiếm 0,77% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

12.4. Kế toán trưởng

❖ Bà Lương Thị Thúy Hà

- Họ và Tên: **Lương Thị Thúy Hà**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/6/1969
- Số CMTND: 090555417 Nơi cấp: CA Thái Nguyên .Ngày cấp: 23/5/2001
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1992 - 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – Nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/09/2015: 196.260 cổ phần chiếm 0,89% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Cổ đông nội bộ

13. Tài sản

Bảng 18: Tài sản cố định Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	932.669	300.778	631.890
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	466.797	85.153	381.644
2	Máy móc thiết bị	443.545	204.263	239.282
3	Phương tiện vận tải	16.908	8.134	8.774
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.070	2.972	1.098
5	Tài sản khác	1.348	256	1.092
	Tài sản cố định vô hình	46.269	5.978	35.218
1	Quyền sử dụng đất	35.218	-	35.218
2	Phần mềm máy tính	11.051	5.978	5.073

Nguồn: BCTC soát xét 9 tháng 2015

Bảng 19: Chi tiết sở hữu đất đai tại thời điểm 30/9/2015

TT	Vị trí	Mục đích sử dụng	Tổng diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng (năm)	Ghi chú
1	160 đường Minh Cầu, TP. Thái Nguyên	Khu vực văn phòng Công ty, chi nhánh TNG1, trung tâm TNG	13.179	50	GCNQSDĐ# AC588499, AO150 528, AC 588 500
2	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên	Nhà chung cư cho CBCNV	1.500	50	Chứng nhận đầu tư (CNĐT): 171 21 00000 080
3	Phường Tân Lập, TP. Thái Nguyên	Chi nhánh TNG 2	10.790	50	AO# 150 561, 150 562
4	Thị xã Sông Công	Chi nhánh TNG Sông Công 1,2,3,4	100.000	50	CNĐT# 17 221 000 02
5.	Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình,	Chi nhánh TNG Phú Bình 1,2,3,4	99.541	50	GCN# BA 866 388, QĐ 1638

	TP Thái Nguyên				
6	Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, TP Thái Nguyên	Nhà ở tập thể	40.560	50	CNDT# 17 321 000 015
7	Thị xã Sông Công	Chi nhánh TNG Sông Công – Chi nhánh Bông	25.000	50	CNDT# 17 221 000 055
8	Xã Tiên Hội, Huyện Đại từ, Tỉnh Thái Nguyên	Chi nhánh TNG Đại từ	47.000	50	CNDT# 17 121 000 013
	Tổng cộng		338.110		

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi của TNG là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu vì nó tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho TNG trong nhiều năm tới

TNG đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn như Columbia Sportswear, The Children's Place, Capital, ITOCHU, Cahard, JOHN NEW YORK,Các khách hàng này đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với công ty. Các khách hàng này đều đề nghị TNG tăng thêm sản lượng hàng năm, TNG chủ động cung cấp được nguyên phụ liệu và chuyển dần sang làm mẫu phát triển để tăng giá trị lợi nhuận trên sản phẩm.

TNG có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

14.2. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với thực hiện năm 2014
Doanh thu thuần	1.377.106	1.790.000	+29,3%
Lợi nhuận sau thuế	53.158	75.000	+41,1%
Vốn điều lệ	162.879,46	274.282,11	+68,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,9%	4,2%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	32,6%	27,3%	
Cổ tức	16%	16-20%	

14.3. Cơ sở của kế hoạch kinh doanh

Cơ sở để HĐQT của Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:

- Các chi nhánh phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt chuẩn không dưới 97%;
- Đảm bảo ngày giao hàng gốc cho khách hàng đạt 100%.

Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: “không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo qui định của pháp luật”;
- Tăng thu nhập cho người lao động: Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với qui định của nhà nước;
- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động;
- Bổ sung thêm xe đưa đón công nhân.

Không ngừng cải tiến hệ thống, tăng năng suất lao động bình quân:

- Sắp xếp nhà máy theo tiêu chuẩn - 5S;
- Áp dụng sản xuất tinh gọn theo – LEAN nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất;
- Cải tiến phương pháp quản lý máy móc thiết bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo dưỡng;
- Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện quản trị Công ty theo tiêu chuẩn ERP:

- Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau.

Tập trung đầu tư tăng chuyển may nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:

- Khai thác Nhà máy may TNG Đại Từ giai đoạn 2 vào quý III/2015 và tiếp tục đầu tư Nhà máy May TNG Phú Lương theo đúng lộ trình;
- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. SSI nhận định lĩnh vực sản xuất ngành hàng may mặc mà Công ty đang sản xuất có tiềm năng phát triển do nhu cầu hàng hóa dồi dào, thị trường phong phú. Thị trường nội địa, thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, ngành dệt may hiện nay ngày càng được người tiêu dùng nội địa ưa chuộng, tăng trung bình 10 -15%/năm. Về thị trường xuất

khẩu, trong khối các nước xuất khẩu dệt may, năm 2014, với tốc độ tăng 19%, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu lớn nhất. Chỉ tính riêng năm 2014, dệt may đã mang lại thặng dư thương mại 12 tỷ USD.

Công ty TNG cố gắng nâng cao thị phần nội địa của thương hiệu thời trang “TNG Fashion”, phân đấu nằm trong 10 năm tới, thương hiệu thời trang TNG được xếp trong “TOP 10 thương hiệu hàng thời trang hàng đầu Việt Nam”, được người tiêu dùng bình chọn.

Đứng trước nhu cầu của thị trường xuất khẩu, công ty đã chủ động chuyển dịch sang phương thức bán hàng FOB, ODM (xuất khẩu hàng may mặc bao gồm cả thiết kế), giảm tỷ lệ gia công nhằm mục đích nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, phù hợp với xu hướng của thị trường. Để thực hiện được kế hoạch đó, công ty chú trọng vào các yếu tố đảm bảo thời gian giao hàng, đáp ứng các yếu tố về trách nhiệm xã hội, chính sách về lao động, sản phẩm có chất lượng tốt, giá cạnh tranh.

Khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp trong ngành may mặc là sự biến động của nguồn lao động trong khu vực. Nhưng bằng những chính sách thu hút lao động trong khu vực, lương thưởng và chế độ chính sách hợp lý, Công ty luôn có nguồn lao động ổn định, đảm bảo khả năng sản xuất kể cả trong những đơn đặt hàng lớn.

Bên cạnh đó, TNG phải đối mặt với khó khăn về vốn do Công ty thực hiện đầu tư lớn trong giai đoạn ngắn dẫn đến việc lệch nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh. Hiện tại, Công ty đang vay ngắn hạn gần 904,8 tỷ, và vay dài hạn 220,5 tỷ. Những biến động về lãi suất do đó cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về quản trị doanh nghiệp, chúng tôi đánh giá tốt chất lượng nghiệp vụ và quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty TNG. Với gần 9.000 công nhân quy trình quản lý của công ty sẽ rất cồng kềnh nhưng bằng việc ứng dụng công nghệ quản lý tiên tiến, hệ thống đánh giá cán bộ theo chuẩn quốc tế, Công ty đã giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp, cơ cấu lại bộ máy điều hành, nâng cao chất lượng quản lý từ đó nâng cao được kết quả sản xuất kinh doanh.

Về chiến lược kinh doanh của Công ty, TNG là một trong những doanh nghiệp chủ động nắm bắt được xu hướng dịch chuyển của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Công ty sẽ thực hiện các thủ tục để niêm yết bổ sung cổ phiếu sau khi đợt phát hành hoàn tất theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN VÀ ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và đăng ký phát hành

- Chào bán cổ phiếu ra công chúng: số cổ phiếu dự kiến chào bán 5.485.642 cổ phiếu (*Bằng chữ: Năm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi hai cổ phiếu*)
- Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 (10%/mệnh giá cổ phiếu): số cổ phiếu đăng ký phát hành 2.194.256 cổ phiếu (*Bằng chữ: Hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn hai trăm năm mươi sáu cổ phiếu*)

4. Giá chào bán dự kiến đối với cổ phiếu chào bán

Giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2014 là 16.093 đồng/cổ phần

Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2015 là 15.437 đồng/cổ phần

Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu TNG bình quân 60 phiên (từ ngày 15/06/2015 đến ngày 4/9/2019) là 25.775 đồng/cổ phần.

Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và được chiết khấu 61% so với giá trị cổ phiếu TNG đang được giao dịch trên thị trường.

6. Phương thức phân phối

Đối với cổ phiếu chào bán:

Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán theo phương thức:

- Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1
- Cổ đông hiện hữu (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phục vụ cho đợt phát hành tăng vốn điều lệ) sở hữu 01 (một) cổ phần thì có 01 (một) quyền mua cổ phần mới, cứ 04 (bốn) quyền mua sẽ mua được 01 (một) cổ phần phát hành thêm.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 3 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.
- Trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối mua cổ phiếu, HĐQT Công ty sẽ quyết định phương án xử lý bằng cách phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được HĐQT phân phối lại cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua, vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức:

- Cổ phiếu đã đăng ký lưu ký: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được phân phối qua Trung tâm lưu ký và các thành viên lưu ký
- Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mỗi cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Cổ phiếu chưa lưu ký sẽ được thực hiện phân phối tại trụ sở Công ty.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức sẽ được thực hiện cùng ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu đăng ký chào bán. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2015 và Quý I/2016 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- **Thời hạn:** Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- **Phương thức thanh toán**
- Đối với cổ đông đã lưu ký
 - o Cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản.
 - o Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký
 - o Cổ đông chưa mở tài khoản và lưu ký chứng khoán thực hiện đăng ký và nộp tiền trực tiếp tại trụ sở công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa
- **Chuyển giao cổ phiếu**
 - o Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký, thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết.
 - o Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
 - o Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty
- **Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu**
 - o Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị
- Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn và/hoặc số lượng cổ phần không thực hiện quyền mua phát sinh do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được giao cho HĐQT quyết định chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- **Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:** *Không áp dụng*

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Tính đến ngày 04/09/2015 TNG có tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 21,68%.
- Căn cứ Khoản 2 Điều Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Hiện tại, Công ty đang có một số hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, do đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa vẫn là 49%.
- Tại thời điểm có quy định hướng dẫn chi tiết về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành nghề kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục thay đổi tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo đúng Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhằm đáp ứng đúng theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng
- Cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua và được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Khoản 3 – Điều 9 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại Ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).
- Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.
- Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT Công ty.

11. Các loại thuế có liên quan

Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Theo Nghị định này, thu nhập từ lợi tức cổ phần, chuyển nhượng chứng khoán sẽ áp dụng mức thuế 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Số tài khoản phong toả: 3901 0000 698 958
- Tại ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Thái Nguyên.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

- Do nhu cầu đặt hàng của khách hàng tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, dẫn đến đòi hỏi phải nâng cao năng lực sản xuất, việc Công ty phải thực hiện tăng cường đầu tư vào nhà xưởng và hệ thống máy móc là tất yếu. Tuy nhiên, việc sử dụng vốn lưu động để thực hiện đầu tư tài sản cố định khiến cơ cấu tài sản và nguồn vốn mất cân đối. Từ năm 2012 đến nay, Công ty liên tục trong tình trạng âm vốn lưu động theo báo cáo tài chính. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2014
Tài sản ngắn hạn (A)	444.281	410.976	537.501
Nợ ngắn hạn (B)	568.391	565.105	748.116
Vốn lưu động (C) = (A) – (B)	(124.110)	(154.129)	(210.615)

Nguồn: Theo BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014

- Với việc quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng, nhu cầu vốn lưu động chắc chắn sẽ tăng cao trong các năm tiếp theo. Mặc dù vẫn nhận được hạn mức tín dụng dồi dào từ các ngân hàng lớn, nhưng việc sử dụng nợ vay lại khiến Công ty gặp rủi ro về lãi suất. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu để đạt quy mô tương xứng với tiềm năng phát triển của doanh nghiệp là cần thiết.
- Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, từ đó, giảm chi phí lãi vay và rủi ro biến động lãi suất. Phương án phát hành đã được Hội đồng quản trị tính toán kỹ lưỡng, nhằm đảm bảo lợi ích các cổ đông của Công ty, đồng thời đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hướng đến một cơ cấu vốn hợp lý, phát huy tối đa thế mạnh của doanh nghiệp.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số cổ phần phát hành:	5.485.642 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số tiền dự kiến thu được:	54.856.420.000 đồng

Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, cụ thể là thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu, và trả các chi phí trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chi tiết về mục đích sử dụng vốn như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến	Nhà cung cấp dự kiến	Thời gian dự kiến
1.	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất hàng	44.856.420.000	KAI CHERNG ENTERPRISE CO.,LTD, CHANGHO CHINA, CÁC NHÀ CUNG CẤP KHÁC	Tháng 12 năm 2015, quý 1, 2, 3 năm 2016
2.	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất hàng	10.000.000.000	CHINA DAWN GARMENT, GREAT SOURCING INC,	Tháng 12 năm 2015, quý 1, 2, 3 năm 2016
	Tổng cộng	54.856.420.000		

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 12A tòa nhà Vinaconex Tower, 34, Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62 883 568

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Website: www.deloitte.com

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn